TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Khánh Long.

Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2024 "Về việc ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị S, sinh năm: 1981 "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Lai Văn Ú, sinh năm: 1978 "vắng mặt".

Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/5/2000 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn chị S và anh Ú chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị S yêu cầu ly hôn với anh Ú.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú có 02 người con chung tên Lai Hoàng Tuấn V, sinh ngày 01/12/2001 và Lai Hoàng Tuấn P, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay cháu V và cháu P đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, nên chị S không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong thời gian chung sống Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú có tài sản chung và nợ chung, nhưng chị S và anh Ú tự thỏa thuận chia tài sản chung và nợ chung xong, nên chị S không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Lai Văn Ú đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, nên anh Ú đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị S. Anh Ú không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị S.

Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Lai Văn Ú tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng anh Ú vắng mặt không có lý do và anh Ú cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị S. Về hôn nhân: xử cho chị Ngô Thị S được ly hôn với anh Lai Văn Ú; về con chung: cháu Lai Hoàng Tuấn V, sinh ngày 01/12/2001 và cháu Lai Hoàng Tuấn P, sinh ngày 01/01/2005 đều đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn chị Ngô Thị S thì chị S kiện anh Lai Văn Ú là bị đơn cư trú tại ấp C, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lai Văn Ú, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Chị Ngô Thị S là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị S.

[1.4] Anh Lai Văn Ú là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Ú.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị S và anh Ú có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị S và anh Ú là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì chị S và anh Ú chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị S và anh Ú sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị S và anh Ú không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau, không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị S yêu cầu được ly hôn; anh Ú không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị S.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị S và anh Ú đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị S yêu cầu được ly hôn với anh Ú là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị S được ly hôn với anh Ú.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú có 02 người con chung tên Lai Hoàng Tuấn V, sinh ngày 01/12/2001 và Lai Hoàng Tuấn P, sinh ngày 01/01/2005. Hiện nay cháu V và cháu P đều đã thành niên, không mắc bệnh tật gì. Chị S và anh Ú không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận chia xong, chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú có nợ chung, nhưng tự thỏa thuận chia xong, chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị S được ly hôn với anh Lai Văn Ú; về con chung: cháu Lai Hoàng Tuấn V, sinh ngày 01/12/2001 và cháu Lai Hoàng Tuấn P, sinh ngày 01/01/2005 đều đã thành niên, không mắc bệnh tật gì, chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Như đã nhận định ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Ngô Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003232 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lai Văn Ú không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị S.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Ngô Thị S được ly hôn với anh Lai Văn Ú.

2. Về con chung: trong thời gian chung sống chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú có 02 người con chung tên Lai Hoàng Tuấn V, sinh ngày 01/12/2001 và Lai Hoàng Tuấn P, sinh ngày 01/01/2005. Chị S và anh Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Ngô Thị S và anh Lai Văn Ú không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Ngô Thị S phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị S được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003232 ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, như vậy chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Lai Văn Ú không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Ngô Thị S và bị đơn anh Lai Văn Ú có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu: hồ sơ vụ án.